

Bản án số: 144/2018/HNGĐ-ST

Ngày 07-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn.

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tổ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 650/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1974; thường trú: 1053/1 ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh S; tạm trú: Số 37/4A, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1971; thường trú: Ấp N, xã Đ, huyện K, tỉnh S; tạm trú: Tổ 15, khu phố C, phường T, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tuấn A do mai mối nên tiến tới hôn nhân vào năm 1991, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị có tổ chức lễ cưới, việc chung sống là tự nguyện, tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở nhà riêng tại tỉnh Hậu Giang. Đến năm 2012, thì

lên Bình Dương thuê nhà trọ để làm ăn sinh sống cho đến nay. Chị làm công nhân thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng, còn anh Nguyễn Tuấn A cũng làm công nhân nhưng thu nhập mỗi tháng bao nhiêu chị không biết. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Tuấn A sống không có trách nhiệm với gia đình, không phụ giúp chị về mặt tài chính để lo cho con cái, một mình chị phải gồng gánh nuôi các con. Anh Tuấn A còn ham mê cờ bạc, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Tuấn A không nghe, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chỉ có con gái là Nguyễn Thị N đang ở chung với vợ chồng chị biết và chứng kiến, vì cho rằng là chuyện riêng vợ chồng nên chị không nói với gia đình hai bên và không báo chính quyền địa phương. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Tuấn A.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung tên Nguyễn Thị Lượm C, sinh ngày 10/5/1993; Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/12/2000. Sau khi ly hôn, cháu C và cháu L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị N và không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại văn bản ngày 03 tháng 7 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T sau một thời gian tìm hiểu nhau thì về chung sống như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống ở tỉnh Sóc Trăng. Năm 1995, anh chị chuyển đến sinh sống và lập nghiệp ở tỉnh Hậu Giang. Đến năm 2012 anh chị chuyển lên Bình Dương thuê nhà trọ sinh sống tại phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn gì. Chị T cho rằng năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con là không đúng. Anh thừa nhận bản thân có thường xuyên uống rượu, ngày nào cũng uống, đi làm về là uống, sau khi uống rượu thì bản thân cũng chơi bài với những người uống rượu chung nhưng không phải chơi bài gây nợ nần cho gia đình, bản thân anh không lấy tiền của gia đình để chơi bài. Chị T cho rằng anh không có trách nhiệm với gia đình là không đúng vì anh đi làm về vẫn đưa tiền cho vợ để phụ vợ nuôi con chung. Vợ chồng thỉnh thoảng có cãi vã nhau do chị T không đồng ý việc anh thường xuyên uống rượu. Do anh thường xuyên uống rượu, chị T có khuyên ngăn nhưng bản thân anh không bỏ uống rượu được nên anh chị đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Mặc dù anh có nhiều lỗi với chị T nhưng bản thân còn rất yêu thương vợ con và mong muốn chị T cho anh cơ hội

để sửa đổi bản thân, hàn gắn gia đình cùng lo cho con cái. Nay chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có ba con chung tên Nguyễn Thị Lụa C, sinh ngày 10/5/1993; Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1995 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/12/2000. Anh không đồng ý Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên anh không đồng ý giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/12/2000 và anh không cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Thị Lụa C và Nguyễn Thị L đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm đã bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; anh Nguyễn Tuấn A là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 18/10/2018 và ngày 07/11/2018 nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Nguyễn Tuấn A chung sống như vợ chồng từ năm 1991 và đã có với nhau 03 người con chung. Tuy nhiên, chị T và anh Tuấn A không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống không có hạnh phúc và thực tế anh chị cũng đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Do đó, chị T có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ giữa chị T và anh Tuấn A do không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì vậy yêu cầu của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Lụa C, sinh ngày 10/5/1993; Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/01/1995 đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không giải quyết vấn đề nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/12/2000, là con gái hiện đang ở với chị T, anh Tuấn A cũng đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng

nên yêu cầu của chị T về việc giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị T với anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Tuấn A giao con chung Nguyễn Thị N, sinh ngày 11/12/2000 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Tuấn A cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Võ Thị T phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Tuấn A thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không được quyền cản trở anh Nguyễn Tuấn A thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019631 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh